

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2018/HS-ST

Ngày 05-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - Là Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2018/TLHS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 112/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. **Phạm Đức D**, sinh ngày 10/01/2000 tại: tỉnh Hà Nam; nơi ĐKKHKT: Tổ 12, phường HBT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Tổ dân phố HP, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; T độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D1, sinh năm 1976 và bà Đặng Thị P, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Ngô Xuân Đ**, sinh ngày 10/01/2000 tại: tỉnh Hà Nam; nơi ĐKKHKT; chỗ ở: Thôn MC, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; T độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Xuân V, sinh năm 1972 và bà Lại Thị D2, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Bị hại:** Cháu Văn DL, sinh ngày 07/10/2002; Trú tại: Tổ 11, phường HBT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1977; trú tại: Tổ 11, phường HBT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1977; Trú tại: Tổ 11, phường HBT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1/ Cháu Chu Đức T, sinh ngày 16/9/2000; Trú tại: Tổ dân phố HL, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Chị Mai Thị P1, sinh năm 1977; Trú tại: Tổ dân phố HL, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

2/ Cháu Phạm Quang A, sinh ngày 27/10/2000; Trú tại: Tổ dân phố TT2, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Chị Lại Thị L; Trú tại: Tổ dân phố TT2, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

3/ Cháu Chu Hải A1, sinh ngày 19/10/1999; Trú tại: Tổ 6, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

4/ Anh Trịnh Mạnh Q, sinh năm 1991; Trú tại: Tổ 6, phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 19/03/2018, Phạm Đức D là học sinh trường THPT Phú Lý B ra lán để xe của trường thì phát hiện thấy chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO, BKS: 90MĐ1-120.96 của cháu Văn DL là học sinh lớp 10A7 cùng trường, không cắm chìa khóa xe nhưng mặt đồng hồ điện vẫn sáng. D dùng tay vặn thử tay ga thì thấy xe chuyển động nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe, D ngồi lên chiếc xe máy điện BKS: 90MĐ1-120.96 rồi điều khiển xe quay đầu để đi ra khỏi lán, lúc này Phạm Quang A (là bạn học cùng lớp với D) hỏi “Đây có phải xe mày không”, D bảo “Không biết đưa nào giấu xe của tao sang đây”, thấy D nói vậy Quang A không hỏi gì nữa. D điều khiển chiếc xe máy điện nhãn hiệu BKS: 90MĐ1-120.96 đi đến cửa lán cách vị trí ban đầu khoảng 2m thì anh Đặng Văn Quỳnh là giáo viên của trường đứng ở sân gọi D cùng một số học sinh để khiêng cây quất ở sân trường. Sau khi khiêng xong cây quất D quay lại lán để xe dây lớp 10A7 ngồi lên chiếc xe máy điện DIBAO, BKS: 90MĐ1-120.96 điều khiển xe ra khỏi cổng trường được khoảng 50m thì gặp Ngô Xuân Đ (là bạn học cùng lớp với D) đang dừng xe trên vỉa hè, D đi lại gần nói với Đ “Xe này không cần chìa khóa vẫn đi được này”, Đ không nói gì, D bảo “Xe này không biết có đánh được chìa khóa không”, thấy vậy Đ nói “Thế tháo biển ra”, lúc này Chu Hải A1 (là bạn học cùng lớp với D và Đ) đi đến, D bảo Đ “Ừ tháo đi”, Đ lấy chiếc kim từ trong cốp xe máy điện của mình ra đưa cho Chu Hải A1 nói “Ông tháo đi”, Hải A1 cầm kim để tháo BKS nhưng không được, Đ mở cốp xe lấy chiếc cờ lê đưa cho Hải A1 tháo được chiếc BKS: 90MĐ1-120.96. Lúc này Đ bảo D “Cho tao cái biển”, D đồng ý

nên Hải A1 đưa chiếc BKS: 90MĐ1-120.96 cùng cờ lê cho Đ, Đ cầm cắt cờ lê, chiếc biển kiểm soát vào cốp xe của mình rồi điều khiển xe đi về nhà. D và Hải A1 cùng nhau đi đến hiệu sửa chữa khóa gần ngã tư đường Trường Chinh - Nguyễn Viết Xuân của anh Trịnh Văn Q nhờ đánh chìa khóa của chiếc xe máy điện DIBAO vừa trộm cắp được, anh Q bảo không lấy được ngay nên D để chiếc xe lại quán rồi đi nhờ xe của Hải A1 về nhà. Trên đường đi về D gặp Chu Đức T (là bạn học cùng lớp với D và Hải A1), D bảo T “Năm rưỡi đến nhà đón tao”, sau đó Hải A1 chở D về nhà ở tổ dân phố HP, phường TC, thành phố PL.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày T đến nhà D chở D đến quán đánh chìa khóa của anh Q để lấy chìa khóa cùng xe máy điện, T hỏi D “*Sao mà đánh chìa khóa*”, D bảo “*Xe của mẹ tao*”, sau đó D điều khiển chiếc xe máy điện DIBAO cùng T đến nhà Đ ở thôn MC, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam và nói với Đ “Cho tao để cái xe này ở đây mấy hôm”. Đ đã biết chiếc xe do D trộm cắp nhưng vẫn đồng ý, Đ dắt chiếc xe D mang đến cất vào nhà. Đến tối cùng ngày anh Ngô Xuân V (là bố của Đ) về nhà thấy chiếc xe máy điện DIBAO nên mở cốp xe kiểm tra thì thấy sách vở mang tên cháu Văn DL, anh V đã gọi điện cho anh Việt (bố của cháu DL) đến nhà kiểm tra và xác định chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO là chiếc xe của cháu L bị mất trộm.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ tại nhà Ngô Xuân Đ: 01 xe máy điện nhãn hiệu Dibao màu hồng không đeo BKS, trong cốp xe có 01 túi vải màu đen bên trong đựng sách vở học sinh; 01 biển kiểm soát 90MĐ1-120.96; 02 chiếc chìa khóa dài khoảng 07cm phần tay cầm bằng nhựa màu đen.

- Thu giữ 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, biển số đăng ký 90MĐ1-120.96 mang tên Vũ Thị H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 27/03/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý, kết luận: 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Dibao BKS: 90MĐ1-120.96 trị giá còn 8.000.000đ.

Bản cáo trạng số 113/CT-VKS-PL ngày 26/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý truy tố Phạm Đức D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và Ngô Xuân Đ về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý luận tội: giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Đức D từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng;

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Ngô Xuân Đ từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc chìa khóa dài khoảng 07 cm, phần tay cầm bằng nhựa màu đen.

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố, không tranh luận và không có lời tự bào chữa, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá về tội danh: Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá của cơ quan chuyên môn cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 19/03/2018, tại lán để xe của trường THPT Phủ Lý B thuộc tổ dân phố TT1, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Phạm Đức D lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, đã trộm cắp 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO, BKS: 90MĐ1-120.96 (trị giá 8.000.000đ) của cháu Văn DL. Sau đó D mang chiếc xe máy điện BKS: 90MĐ1-120.96 đến nhà Ngô Xuân Đ ở thôn MC, xã TH, huyện TL để gửi, Đ biết chiếc xe máy điện là do D trộm cắp nhưng vẫn đồng ý cho D gửi chiếc xe máy điện ở nhà mình.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Đức D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo Ngô Xuân Đ đã phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Đánh giá về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn thành phố Phủ Lý, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, đặc biệt là đối với việc quản lý tài sản ở các khu vực học sinh, sinh viên học tập. Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm bằng một hình phạt nhất định, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

* Quá trình xem xét để quyết định hình phạt, cần phải đánh giá:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo luôn thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn, hối cải, mong muốn được sửa chữa lỗi lầm. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo D có ông ngoại là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu.

Cần nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo có tuổi đời còn trẻ, khi phạm tội đều đang là học sinh. Do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo các bị cáo trở thành người tốt như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, điều này thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe máy điện nhãn hiệu Dibao; 01 túi vải màu đen bên trong đựng sách vở học sinh; 01 chiếc biển kiểm soát 90MĐ1-120.96; 01 chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Vũ Thị H là tài sản hợp pháp của cháu Văn DL. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe máy điện và sổ tài sản trên cho cháu L là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với 02 chiếc chìa khóa dài khoảng 07cm, phần tay cầm bằng nhựa màu đen là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Các tình tiết khác:

Về trách nhiệm dân sự: Cháu Văn DL đã nhận lại tài sản bị mất, người đại diện hợp pháp của cháu L và cháu L không có đề nghị gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Chu Hải A1 sau khi biết Phạm Đức D trộm cắp chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO, BKS: 90MĐ1-120.96, Hải A1 đã có hành vi tháo chiếc BKS: 90MĐ1-120.96 của xe máy điện và đi cùng D để đánh chìa khóa xe. Do Phạm Đức D phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (tội phạm ít nghiêm trọng) nên hành vi của Chu Hải A1 không cấu thành tội “Che giấu tội phạm” hoặc “Không tố giác tội phạm” quy định tại Điều 389, Điều 390 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với anh Trịnh Mạnh Q là người đã đánh chìa khóa cho Phạm Đức D nhưng anh Q không biết chiếc xe do D trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý không xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với Chu Đức T đã chở Phạm Đức D đi ra lấy chiếc xe máy điện, nhưng T không biết D trộm cắp chiếc xe trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý không xử lý đối với T là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo thực hiện theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Phạm Đức D).

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Ngô Xuân Đ).

- Áp dụng các Điều 106; 135; 136; 331, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Áp dụng luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Phạm Đức D phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Ngô Xuân Đ phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[2] Xử phạt:

Phạm Đức D 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao Phạm Đức D cho Ủy ban nhân dân phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngô Xuân Đ 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao Ngô Xuân Đ cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc chìa khóa dài 07cm, phần tay cầm bằng nhựa màu đen.

Vật chứng trên có đặc điểm, tình trạng được ghi trong biên giao nhận vật chứng ngày 27/7/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[4] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phạm Đức D và Ngô Xuân Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Công an thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thị Xuyên